

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 121167210103 - Nguy² n ĩ k to ãn H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011911	36CKT1	Tr n Vĩ Gia B o	18/08/1994				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
2	3673010308	36CKT1	Di p T B i	21/10/1994				6.0			6.0	1.8	5.2	3.6	5.4	
3	3673011554	36CKT1	ñ ng Quang C ng	15/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3673011650	36CKT1	B ĩ Th M Duyên	01/09/1994				5.0			5.0	1.5	5.7	4.0	5.5	
5	3673010383	36CKT1	L ² Th Thu Hà	03/07/1994				4.0			4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	
6	3673010054	36CKT1	Nguy n Th Thu Hà	30/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	3673011158	36CKT1	Nguy n Th H u	28/03/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
8	3673010106	36CKT1	Nguy n Th y Ng c Hi p	30/04/1994				3.0			3.0	0.9	5.2	3.6	4.5	
9	3673010363	36CKT1	L ² Th Hoa	20/09/1993				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
10	3673010063	36CKT1	ñ Th Hòa	27/10/1994				2.0			2.0	0.6	2.4	1.7	2.3	
11	3673011947	36CKT1	Nguy n Th Huy n	02/01/1994				4.0			4.0	1.2	6.8	4.8	6.0	
12	3673010287	36CKT1	Nguy n Th Kim H ng	21/06/1994				3.0			3.0	0.9	4.6	3.2	4.1	
13	3673010076	36CKT1	Tr n Ki t	17/05/1994				4.0			4.0	1.2	6.2	4.3	5.5	
14	3673011500	36CKT1	Ch ¾ Th Liên	10/10/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
15	3673010300	36CKT1	Ph m Th B'ch Li u	27/01/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
16	3673010392	36CKT1	Nguy n Th Ng c Linh	15/11/1994				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
17	3673010125	36CKT1	Ph m Tu n L c	12/03/1994				3.0			3.0	0.9	5.8	4.1	5.0	
18	3673010109	36CKT1	Nguy n Th Ho ¾ng Mai	05/05/1994				7.0			7.0	2.1	5.7	4.0	6.1	
19	3673010228	36CKT1	Nguy n Ph ng M Ki u	16/05/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121167210103 - Nguy ấ n Lĩ k to ầ n H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673011114	36CKT1	L u Th M	20/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
21	3673011570	36CKT1	Ph m V ấ Nam	25/12/1994				0.0			0.0	0.0	1.7	1.2	1.2	
22	3673010255	36CKT1	Nguy n Kim Ng ầ n	13/11/1993				4.0			4.0	1.2	5.4	3.8	5.0	
23	3673011182	36CKT1	ấ H ng Ng c	27/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	3673011111	36CKT1	Tr n Th H ng Ng c	22/09/1994				4.0			4.0	1.2	5.4	3.8	5.0	
25	3673010281	36CKT1	L ấ Th Th o Nguy ầ n	19/07/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
26	3673011882	36CKT1	L ấ Di p Ho ầ ng Oanh	23/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
27	3673010299	36CKT1	Nguy n H u Ph úc	27/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3673011970	36CKT1	Nguy n Th Ng c Ph ng	00/00/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
29	3673010275	36CKT1	Ng ầ Th B ầ ch Ph ng	29/07/1994				5.0			5.0	1.5	5.7	4.0	5.5	
30	3673011152	36CKT1	ấ ng Ng c Quy ầ n	10/06/1994				4.0			4.0	1.2	4.7	3.3	4.5	
31	3573011826	36CKT1	H Nh Quý	31/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	3673011059	36CKT1	Nguy n Th ấ ầ ng Sa	20/10/1993				4.0			4.0	1.2	2.3	1.6	2.8	
33	3673010271	36CKT1	Tr n ấ nh C ầ i Tâm	02/12/1994				5.0			5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
34	3673011176	36CKT1	Nguy n Th Thu Ti ầ n	04/09/1994				3.0			3.0	0.9	4.6	3.2	4.1	
35	3673010127	36CKT1	Hu ầ nh V ấ Tu n	11/12/1993				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
36	3673011051	36CKT1	Tr n Tri u Tu n	20/04/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
37	3673010198	36CKT1	Nguy n Tr ng Tuy n Thanh	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	1.3	0.9	0.9	
38	3673010039	36CKT1	Nguy n Th Kim Tuy n	27/09/1994				5.0			5.0	1.5	5.2	3.6	5.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ n h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121167210103 - Nguy ấ n L ấ k ấ o ấ n H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673010048	36CKT1	B ấ i Th Tuy t	20/12/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
40	3673012040	36CKT1	Nguy n Th Thanh	20/10/1994				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
41	3673011619	36CKT1	Nguy n Th Mai Th o	31/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	3673010161	36CKT1	Ph m V ấ Ho ấ ng Th ấ i	15/01/1994				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
43	3673010261	36CKT1	Nguy n Th H ng Th m	27/04/1994				2.0			2.0	0.6	4.3	3.0	3.6	
44	3673010030	36CKT1	Ng ấ Th Anh Th	02/09/1994				5.0			5.0	1.5	6.4	4.5	6.0	
45	3673010331	36CKT1	V n Quang Th Kim Thuy	15/08/1993				5.0			5.0	1.5	5.9	4.1	5.6	
46	3673011134	36CKT1	ấ u Th Thu	22/12/1994				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
47	3673011916	36CKT1	H ng Th Thu Trang	08/03/1994				7.0			7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
48	3673010210	36CKT1	T ấ ng Ng c Tr ấ n	23/05/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
49	3673011135	36CKT1	Ph m T ng Vi	20/08/1994				5.0			5.0	1.5	1.7	1.2	2.7	
50	3673010019	36CKT1	L ấ T Th ấ y Vy	17/07/1993				3.0			3.0	0.9	5.2	3.6	4.5	
51	3673011842	36CKT1	Nguy n Kim Xinh	01/01/1994				3.0			3.0	0.9	5.4	3.8	4.7	
52	3673011508	36CKT1	H Th Xu ấ n	05/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.9	3.4	4.9	

T ng s : 52 h c sinh sinh vi ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o Vi ấ n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa